

QUY CHẾ QUẢN TRỊ - CTCP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

(đính kèm Tờ trình số 09/TT-ĐHĐCĐ.2018 ngày 06/3/2018 của HĐQT)

STT	QUY CHẾ QUẢN TRỊ HIỆN TẠI	ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI
1.	Điều 1: Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh Quy chế này được xây dựng theo Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính Về việc ban hành Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.	Bỏ
2.	Điều 2: Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát. Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0503000008 do Sở KHĐT tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001, được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh ngày 15/11/2007 c. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán. d. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của công ty.	Điều 2: Giải thích thuật ngữ a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát. Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0900189284 do Sở KHĐT tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2001, được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh ngày 15/11/2007. c. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán hiện hành . d. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp .
3.		Bổ sung vào Điều 2 e. “Người phụ trách quản trị công ty”: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71, Quy chế này và Điều lệ Công ty; f. “Điều lệ Công ty”: là Điều lệ được ĐHĐCĐ Công ty thông qua ở từng thời điểm; g. “Người quản lý doanh nghiệp”: là người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty; h. “Người điều hành doanh nghiệp”: là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại

		Điều lệ Công ty.
4.	CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐHĐCĐ PHẦN 1 – CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ
5.	Chưa có	Điều 3a: Thông báo chốt danh sách cổ đông 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày, trước ngày bắt đầu tiên hành ĐHĐCĐ. 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. 3. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.
6.	Điều 5: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông 4. Nếu cổ đông không thể tham dự đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự; việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty. Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 15 - Điều lệ công ty.	Điều 5: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông 4. Nếu cổ đông không thể tham dự đại hội thì có thể: - Ủy quyền cho đại diện của mình tham dự; việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty. Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 15 - Điều lệ công ty. - <u>Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của Công ty cho từng lần họp.</u> - <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax và thư điện tử phù hợp với quy định của Công ty cho từng lần họp.</u>
7.	Điều 6: Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu biểu quyết, thông báo kết quả bỏ phiếu Các quy định về tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty và Điều 103 Luật Doanh nghiệp. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng hình thức	Điều 6: Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu biểu quyết, thông báo kết quả kiểm phiếu Các quy định về tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty và Điều 142 Luật Doanh nghiệp. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng

	<p>biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc <u>bỏ phiếu điện tử, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử theo quyết định của Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm và khi đó sẽ có quy định cụ thể cách thức bỏ phiếu theo hình thức này.</u></p> <p><u>1c. Áp dụng công nghệ thông tin trong kiểm phiếu</u> <u>Đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong việc ghi nhận, tổng hợp thông tin, số liệu và tạo sự thuận tiện cho các Cổ đông thì việc ghi nhận đăng ký tham dự, ghi nhận ý kiến biểu quyết và tập hợp thông tin, số liệu sẽ được thông qua hệ thống máy tính và phần mềm được thiết kế phù hợp với các nguyên tắc biểu quyết.</u></p>
8.	<p>2. Thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản Trong trường hợp ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi phiếu lấy ý kiến cùng với các tài liệu khác có liên quan cho tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết; - Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; - Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Điều kiện thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ được quy định chi tiết tại Điều 20 Điều lệ Công ty và Điều 104 Luật Doanh nghiệp. 	<p>2. Thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản Trong trường hợp ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi phiếu lấy ý kiến cùng với các tài liệu khác có liên quan cho tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết <u>bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;</u> - Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <u>Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</u> - <u>Nghị quyết</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như <u>nghị quyết</u> được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ. <p>Điều kiện thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ được quy định chi tiết tại Điều 20 Điều lệ Công ty và Điều 145 Luật Doanh nghiệp.</p>
9.	<p>3. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; b) Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ</p>	<p>3. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; b) Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, <u>nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ</p>

	<p>trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật này; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. 	<p>quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật này; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. <p><u>Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></p>
10.	<p>Điều 7: Ghi và lập biên bản ĐHĐCĐ Việc ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 106 luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 7: Ghi và lập biên bản ĐHĐCĐ Việc ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 146 luật Doanh nghiệp.</p>
11.	<p>Điều 9: Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính; - Hoạt động của Hội đồng quản trị; - Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; - Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành; - Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý; - Các kế hoạch dự kiến trong tương lai. 	<p>Điều 9: Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên theo quy định tại Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra</u> phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</u> - Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính; - Hoạt động của Hội đồng quản trị; - Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Hội đồng quản trị; - Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành; - Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý; - Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.
12.	<p>Điều 10: Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động của Ban kiểm soát; - Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát; - Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty; - Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên 	<p>Điều 10: Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên theo quy định tại Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra</u> phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ công ty;</u> - Hoạt động của Ban kiểm soát;

	<p>Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, và cổ đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát; - Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty; - Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý; - Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, và cổ đông.
13.	CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HĐQT VÀ HĐQT	CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT
14.	<p>Điều 11: Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT</p> <p>1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trên trang website của công ty hoặc dưới hình thức khác trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông một khoảng thời gian hợp lý để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.</p> <p>2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>Điều 11: Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, <u>BKS</u></p> <p>1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT, BKS (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trên trang website của công ty hoặc dưới hình thức khác <u>tối thiểu 10 ngày</u> hoặc một khoảng thời gian hợp lý trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.</p> <p>2. Các ứng viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:</u></p> <p><u>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u></p> <p><u>b) Trình độ chuyên môn;</u></p> <p><u>c) Quá trình công tác;</u></p> <p><u>d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.</u></p> <p><u>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng</u></p>

		<u>viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</u>
15.		<p><u>Điều 13A: Tiêu chuẩn kiểm soát viên</u></p> <p><u>1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty.</u></p> <p><u>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u></p> <p><u>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</u></p> <p><u>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</u></p> <p><u>3. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</u></p>
16.	Điều 14: Thành phần Hội đồng quản trị	<p><u>Điều 14: Thành phần Hội đồng quản trị</u></p> <p><u>3. Cơ cấu HĐQT của Công ty cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành.</u> Tối thiểu một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập không điều hành.</p>
17.	Điều 15: Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT Chưa có	<p><u>Điều 15: Quyền và trách nhiệm của thành viên HĐQT</u></p> <p>1a. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.</p>
18.	Chưa có	<p><u>Điều 15A: Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên</u></p> <p><u>1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.</u></p> <p><u>2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các</u></p>

		<u>quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty đại chúng có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u>
19.	Chưa có	<p><u>Điều 16A: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</u> <u>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <u>1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</u> <u>2. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</u> <u>3. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</u> <u>4. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u>
20.	<p>Điều 17: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 1. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau d. Thành viên bị cách chức thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ.</p>	<p>Điều 17: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 1. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau 1a. Thành viên HĐQT có thể bị <u>bãi nhiệm</u> theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.</p>
21.		<p>Điều 17A: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên <u>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</u> a) <u>Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này;</u> b) <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> c) <u>Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u> d) <u>Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</u> <u>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</u></p>

		<p><u>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</u> <u>b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ công ty;</u> <u>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>
22.	<p>Điều 18: Hợp HĐQT Các quy định về triệu tập cuộc họp HĐQT, điều kiện tổ chức họp và cách thức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT được quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty và Điều 112 Luật Doanh nghiệp. 3. Việc ghi chép, thông qua, lưu giữ Biên bản họp hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 113 Luật doanh nghiệp và Điều 28.4 Điều lệ công ty. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông báo theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC về công bố thông tin của công ty niêm yết.</p>	<p>Điều 18: Hợp HĐQT Các quy định về triệu tập cuộc họp HĐQT, điều kiện tổ chức họp và cách thức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT được quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty và Điều 153 Luật Doanh nghiệp. 3. Việc ghi chép, thông qua, lưu giữ Biên bản họp hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 154 Luật doanh nghiệp và Điều 28 Điều lệ công ty. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông báo theo quy định <u>của pháp luật hiện hành</u> về công bố thông tin của công ty niêm yết.</p>
23.	<p>Điều 19: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng a. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc theo Điều 57 - Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 19: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng a. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc theo Điều 157 - Luật Doanh nghiệp.</p>
24.		<p>Bổ sung vào Điều 19 d. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm làm Người phụ trách quản trị công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phải là người đang làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. - Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Công ty - Về trình độ: phải là người hiểu biết về pháp luật.
25.	<p>Điều 23: Hoạt động của HĐQT 2. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, một năm họp định kỳ bốn (04) lần và có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề khẩn cấp của công ty khi cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, hoặc trên 50% thành viên Hội đồng quản trị đề nghị. Các thông tin về cuộc họp được gửi trước ít nhất là ba ngày.</p>	<p>Điều 23: Hoạt động của HĐQT 2. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, một năm họp định kỳ bốn (04) lần và có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề khẩn cấp của công ty khi cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc <u>hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý, Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập, hoặc 02 thành viên của Hội đồng quản trị</u></p>

	Trường hợp đột xuất hoặc khẩn cấp, có thể bằng các phương tiện thông tin phổ biến khác, có xác định và không hạn định thời gian.	<u>đề nghị</u> . Trường hợp đột xuất hoặc khẩn cấp, có thể bằng các phương tiện thông tin phổ biến khác, có xác định và không hạn định thời gian.
26.	<p>Điều 24: Chủ tịch HĐQT</p> <p>Chủ tịch HĐQT là người được thay mặt HĐQT để thực hiện các nội dung công việc của Hội đồng quản trị đã được quy định tại Quy chế này. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông; <p>2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 24: Chủ tịch HĐQT</p> <p>Chủ tịch HĐQT là người được thay mặt HĐQT để thực hiện các nội dung công việc của Hội đồng quản trị đã được quy định tại Quy chế này. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông, <u>cuộc họp Hội đồng quản trị</u>; <p>2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>theo nguyên tắc đa số</u>.</p>
27.	CHƯƠNG VI: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT. THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	CHƯƠNG VI: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT
28.	<p>Điều 30: Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Giám đốc và cán bộ quản lý</p> <p>1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý từ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng, Phó Phòng ban, Giám đốc, phó Giám đốc các nhà máy trên cơ sở căn cứ vào Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận và của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ - Hoàn thành nhiệm vụ - Không hoàn thành nhiệm vụ 	<p>Điều 30: Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc và cán bộ quản lý</p> <p>1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, <u>Tổng Giám đốc</u>.</p> <p>2. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý từ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng, Phó Phòng ban, Giám đốc, phó Giám đốc các nhà máy trên cơ sở căn cứ vào Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận và của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ - Hoàn thành nhiệm vụ - Không hoàn thành nhiệm vụ
29.	<p>Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc</p> <p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành,</p>	<p>Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc</p> <p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho <u>cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông là cá nhân</u>.</p>

	<p>cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác</p>	<p><u>Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</u></p>
<p>30.</p>	<p>Điều 42: Giám sát Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật</p>	<p>Điều 42: Giám sát 1. Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật. 2. <u>Công ty và cá nhân, tổ chức có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của UBCKNN trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.</u></p>